

# QUÁN Đoài KHÊ

NGUYỄN THỊ DUNG\*

**D**oài Khê nằm phía Tây xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng. Có người chiết tự hai chữ Đoài Khê là “khe nước phía Tây”. Theo nghĩa chữ Hán, “khê” là khe, lạch, hoặc con suối. Chữ “khê” còn nghĩa khác - tên gọi loài chim nước, giống như chim le le nhưng cánh biếc, tục thường gọi là Tứ uyên ương. Theo nghĩa này, Đoài Khê còn có nghĩa là “con chim Tứ uyên ương ở mé Tây”. Cách hiểu này khá tương đồng với việc cắt nghĩa địa danh Đan Phượng - “con chim phượng đỏ”.

“Quán” hay “Đạo quán” vốn là nơi thờ tự của Đạo giáo, hình thành từ cuối thời Tam quốc, lấy kinh điển của Đạo gia, vốn là một học thuyết triết-học thời Tiên-Tần do Lão Đam - tức Lão Tử khai sáng làm kinh điển chính, gồm các sách chủ yếu như, *Đạo đức kinh* của Lão Tử, *Nam hoa kinh* của Trang Tử, *Xung hư chân kinh* của Liệt Tử... Đạo giáo suy tôn Lão Tử làm Thái Thượng Lão Quân...

Đạo giáo truyền nhập vào nước ta từ rất sớm, đến thời Lí - Trần, Đạo giáo là một trong ba hệ tư tưởng lớn hợp thành Tam giáo (Nho, Phật, Đạo), có ảnh hưởng quan trọng trong đời sống xã hội. Tại Việt Nam, Đạo giáo không hình thành những trung tâm lớn, cùng đội ngũ các đạo sĩ chuyên nghiệp đông đảo, song từ

lâu tôn giáo này đã kết hợp với một số yếu tố của tín ngưỡng dân gian, thành đạo Phù thủy, đạo Thần tiên... thẩm thấu vào đời sống tâm linh của người dân. Vùng xứ Đoài hiện vẫn còn khá nhiều dấu vết của các Đạo quán, như quán Linh Tiên ở huyện Hoài Đức, quán Thiên Tôn tại Phúc Thọ,... Tại quán Đoài Khê hiện nay, dấu vết của việc thờ Đạo giáo khá mờ nhạt, về căn bản, từ lâu quán đã được chuyển hóa thành nơi thờ thần Tích Lịch Hoả Quang, với tính chất là một thần bảo hộ cho làng - Thành hoàng làng. Kiến trúc chung của quán không có sự khác biệt nhiều so với các ngôi đình thường gặp. Tuy cách gọi di tích này là “quán” không hoàn toàn phù hợp với tính chất thờ tự ở đây, song có thể cách gọi này đã tồn tại từ xưa và cũng cho thấy tính chất đa dạng về hệ thống tín ngưỡng qua việc thờ tự của người Việt trong truyền thống và cũng là cách gọi đã trở thành quen thuộc đối với nhân dân địa phương.

Quán Đoài Khê nằm giữa làng, là một công trình tín ngưỡng đẹp, còn bảo lưu được nhiều nét kiến trúc, văn hóa cổ xưa. Khi khảo sát về các thần được thờ trong xã Đan Phượng và huyện Đan Phượng, chúng tôi nhận thấy, thần Tích Lịch Hoả Quang được thờ ở nhiều nơi trong vùng, trong đó có 5 xã thuộc huyện Đan Phượng, gồm: Đan Phượng thượng (thôn Đoài

\* BAN QUẢN LÝ  
DI TÍCH DANH THẮNG HÀ NỘI

Khê thuộc xã Đan Phượng thượng), Đan Phượng hạ, Phượng Trì, Đại Phùng, Thu Quế (Thu Quế trước thuộc huyện Đan Phượng, sau sáp nhập vào huyện Hoài Đức).

Theo thần tích về thần Tích Lịch Hỏa Quang thì vị thần này vốn được thờ từ thời Hùng Vương thứ 18, do có công giúp dân trừ dịch bệnh, lại có công âm phù trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược vào thời nhà Trần - thế kỉ XIII, được các triều ban cấp sắc, phong làm Thượng đẳng thần. Tuy nhiên, các thư tịch hiện còn từ thời Trần về trước không thấy nhắc đến vị thần này. Tác giả sách Việt điện u linh là Lí Tế Xuyên thời Trần căn cứ vào "phẩm loại không giống nhau" (Việt điện u linh - Tự) giữa các thần, tiến hành phân các bậc thần được ghi chép làm 3 loại: 1/Lịch đại nhân quân, 2/Lịch đại nhân thần, 3/Hạo khí anh linh, nhưng hoàn toàn không ghi về thần Tích Lịch Hỏa Quang. Gạt bỏ các chi tiết linh dị trong thần tích, tiếp cận, giải ảo dưới góc độ khoa học, có thể rút ra một điểm khả dĩ xác tín rằng, Tích Lịch Hỏa Quang là một vị nhiên thần, vốn đã được thờ tự tại địa phương từ lâu đời. Các sắc phong hiện còn tại di tích có niên đại từ thời Cảnh Hưng triều Lê trung hưng đến cuối thời Nguyễn có thể minh chứng thêm cho nhận định này.

Danh hiệu của thần qua các đời được phong với các mĩ tự khác nhau, song căn bản vẫn giữ nguyên bốn chữ "Tích Lịch Hỏa Quang" - "ánh lửa sấm sét". Từ danh hiệu của thần, cho phép chúng ta đoán định rằng, đây là một vị thần sấm sét, thuộc về nhiên thần, được các cư dân nông nghiệp phụng thờ rất phổ biến.

Từ một góc độ khác, theo tên gọi của thần, có thể đoán định rằng, vị thần này thuộc hệ thống Tứ pháp (tức Phong - gió, Vũ - mưa, Lôi - sấm, Điện - ánh sét), vốn là tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp, song ít nhiều đã gắn với yếu tố Phật giáo ở giai đoạn sớm (thời Bắc thuộc), sau đó được chuyển hóa thành Phật Tứ Pháp.

Hai cách suy luận từ tên gọi của thần đều cho thấy, thần Tích Lịch Hỏa Quang là vị nhiên thần, là "ánh chớp", một hiện tượng thiên nhiên, được cư dân nông nghiệp thờ ở nhiều nơi. Chi tiết bổng chốc "mưa kéo đến ầm ầm, trời đất tối tăm mù mịt như đêm tối, có một tia lụa đỏ từ từ theo đám mây vàng trên trời buông

xuống trước đàn tế" trong thần tích cũng cho ta một sự liên hệ tương tự.

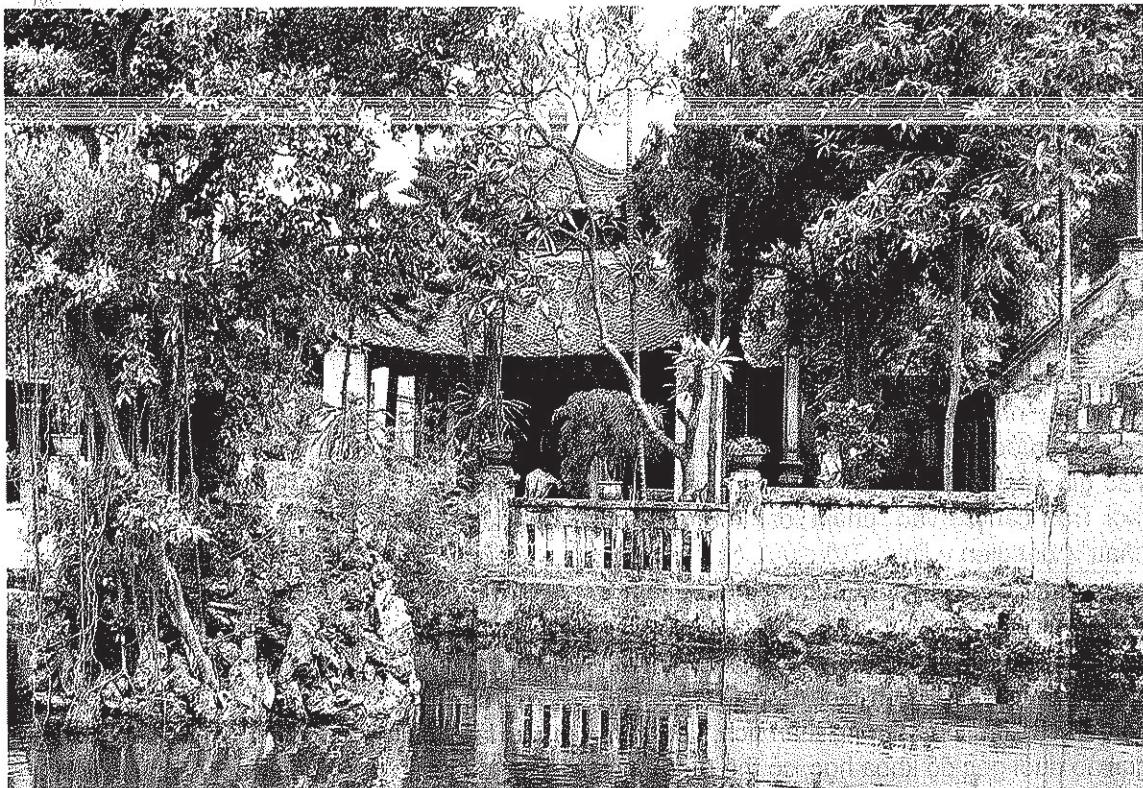
Như vậy, vị thần Tích Lịch Hỏa Quang được thờ tại quán Đoài Khê là một vị nhiên thần, vốn được nhân dân địa phương thờ từ lâu đời, mà hình tượng ban đầu, mẫu gốc có thể là một vị thần "Chớp". Cũng có khả năng khác, vị thần này là một kiểu thức của hình tượng thần "Chớp" (tức Điện) thuộc hệ thống Tứ Pháp (Phong, Vũ, Lôi, Điện) nằm trong sự lan tỏa từ vùng Kinh Bắc.

Trải qua thời gian, thiên nhiên khắc nghiệt, quán Đoài Khê đến nay đã qua nhiều lần tu sửa nhưng vẫn bảo lưu được khá nhiều yếu tố của kiến trúc cổ.

Các di vật còn lưu tại quán có nhiều di vật niên đại vào thế kỷ XVII - XVIII như hương án gỗ, các bức chạm trên cửa Hậu cung, long ngai, bài vị, sắc phong... Ngoài ra, phong cách kiến trúc tại tòa Phương đình, có bộ vi thượng được làm theo kiểu gọng vỏ, rất đặc trưng trong kiến trúc tín ngưỡng ở xứ Đoài... Một số bức chạm ở quán này cùng 01 trong số 02 thần vị đã ghi: "Tích Lịch Hỏa Quang xuân linh uy linh, minh mẫn thuần túy, hậu công trứ đức, hộ quốc trừ tàn, tích hưu giáng phúc, bảo cảnh an dân, anh uy hùng tài, vĩ lược đại vương". Thần hiệu này hoàn toàn trùng khớp với các mĩ tự mà thần được phong trong sắc ngày 26 tháng 7 năm thứ 44 niên hiệu Cảnh Hưng (1783). Sau đó 3 năm, trong sắc phong được ban cấp vào ngày 22 tháng 3 năm Chiêu Thống nguyên niên (1786), thần được phong thêm 6 chữ: "Cương nghị phù vận thần công". Như vậy, có thể khẳng định một số chi tiết kiến trúc cũng như các đồ vật tại di tích này có thể được chế tác vào khoảng cuối thế kỷ XVIII.

Tại di tích còn có không ít di vật đẹp thời Nguyễn như hoành phi, câu đối, bát hương, chân đèn, kiệu...

Thông qua việc khảo sát di văn Hán - Nôm tại di tích có thể đoán định một cách khá chắc chắn rằng, quán Đoài Khê vốn được dựng cuối thời Lê trung hưng, song do trải qua thời gian cùng điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, công trình ban đầu bị hư hại, sau đó được trùng tu, sửa chữa nhiều lần; các lần trùng tu lớn được thực hiện vào cuối thời Nguyễn, nhiều khả năng rơi vào giai đoạn niên hiệu Thành Thái (1889 - 1907), và Bảo Đại (1925 - 1945). Và,



Quán xứ Đoài trầm mặc (Quán Đoài Khê) - Ảnh: Tác giả

đây cũng chính là diện mạo căn bản của di tích như ta hiện thấy.

Quán Đoài Khê nằm trên một thế đất đẹp, ở giữa làng, khuôn viên quán đã được quy hoạch khá tốt, có nhiều cây cổ thụ và một hồ nước phía trước để tạo cảnh quan. Ngôi quán nhìn theo hướng Đông Nam, một hướng kiến trúc truyền thống của người Việt, mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Công trình chính gồm Phương đình hình vuông phía trước cùng Tiền tế và Hậu cung dạng chữ đinh phía sau. Ngoài ra còn có Nghi môn, bức bình phong, sân gạch, hồ nước, tả - hữu mạc và vườn cây xung quanh.

Trong tổng thể không gian kiến trúc của ngôi quán, đáng chú ý là tòa Phương đình. Đây là một hạng mục kiến trúc được tạo tác công phu, mặt bằng có dạng vuông, với diện tích khoảng 40m<sup>2</sup>. Từ góc nhìn phi điêu (từ trên nhìn xuống), phương đình như một bông hoa nở xoè, với hai tầng, 8 mái đao cong, mềm mại.

Tầng trên gồm bốn mái, lợp ngói ri cổ. Các góc mái được đỡ bởi các kẻ góc bên trong. Điểm đặc biệt ở kết cấu mái là, các kẻ góc chụm vào một điểm tạo thành dạng chóp nón,

được khóa bởi một đấu đỉnh, trên đấu là một bình dạng lọ nước cam lồ. Các góc đao cong mềm mại có hình tượng rồng cách điệu sinh động như vẫn thường thấy ở nhiều di tích. Các kẻ xó vươn ra ngoài tạo bẩy đỡ các góc đao.

Khoảng cách giữa mái một và mái hai được tạo bởi một khoảng chấn song con tiện bằng gỗ, tạo sự thông thoáng cho hệ mái và cho không gian bên trong Phương đình. Tầng mái dưới cũng gồm bốn mái đao cong, lợp ngói ri cổ. Các góc đao được tạo bởi các kẻ xó, đầu kẻ vươn ra tạo bẩy.

Bên trong Phương đình, bộ khung chịu lực bao gồm 4 cột cái, 12 cột quân bằng gỗ lim và một số loại gỗ khác (dấu ấn của các đợt trùng tu) cùng các bộ vỉ. Hệ thống cột cái có đường kính khoảng 45cm, là công đức của người trong vùng khi ngôi quán được khởi dựng và trùng tu sau đó (các dòng chữ ghi tên người công đức vẫn còn rõ trên đoạn đầu thân các cột cái). Các cột quân có đường kính nhỏ hơn, khoảng 25cm... Toàn bộ hệ thống cột này là phần chịu lực quan trọng nhất đỡ hệ mái, tạo sự vững chắc cho công trình.

Bộ vỉ thượng được tạo bởi bốn kẻ xó, bốn

đầu trên của các kẻ này ăn mộng vào thân một trụ tròn dạng trụ trốn, đầu dưới của trụ vẽ hình bát quái. Kết cấu này theo cách gọi dân gian là dạng bộ vì gọng vỏ, thường xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Bộ vi này tương ứng với tầng mái trên.

Bộ vi hạ dạng “cổn” tương ứng với tầng mái dưới có kết cấu giống nhau, theo kiểu chồng rường. Các xà ngang một đầu ăn mộng vào cột cái, đầu kia ăn mộng vào cột quân. Đứng trên xà ngang là trụ trốn, thân trụ có một con rường ăn mộng, một đầu rường vươn ra đỡ hoành mái. Đầu trên của trụ trốn có ba con rường khác chồng lên nhau qua các đấu kê vuông thót đáy, một đầu của các con rường này ăn mộng vào thân cột cái, đầu kia đỡ các hoành. Bẩy hiên ăn mộng qua thân cột quân, một đầu tạo mõm nghé bên dưới xà nách, đầu kia vươn ra đỡ tàu mái. Nhìn chung, các cấu kiện gỗ ở đây đều để trơ, không trang trí, thiên về độ bền chắc. Trên thân hai cột cái có treo một đôi câu đối chữ Hán, được tạo vào năm Giáp tý, niên hiệu Khải Định (1924), với nội dung:

Sơn, hà, hoa, thụ, gai linh khí,  
Lôi, vũ, tinh, vân, tự thái hư.  
Núi, sông, cây, cổ, nhuần linh khí,  
Mưa, sấm, sao, mây, tựa Thái hư.

Thái hư tức bầu trời, là thuật ngữ thường dùng của Đạo giáo.

Phía trên có một bức hoành phi chữ Hán niên hiệu Bảo Đại Quý Dậu (1933), với nội dung: “Hiển vu Tây thổ”, nghĩa là: Hiển hiện ở trời Tây. Trời Tây có thể hiểu là Tây Trúc, quê hương của đức Phật. Nhưng cũng gợi cho người đọc liên tưởng đến việc Lão Tử cưỡi trâu xanh đi về vùng sa mạc phía Tây Bắc Trung Quốc, sau đó, theo lời đề nghị của viên quan coi cửa ải, đã viết lại cuốn *Đạo đức kinh*, là cuốn sách triết học nổi tiếng, sau đó được suy tôn làm kinh điển của Đạo giáo.

Không gian bên dưới tòa Phương đình này để trống.

Từ Phương đình, qua một khoảng sân là tới Tiền tế, gồm ba gian, hai dĩ, tường hồi bít đốc, hai mái chảy lợp ngói ri. Bộ vi thượng gian giữa có kết cấu kiểu già chiêng, kẻ ngồi. Bộ vi thượng các gian bên có kết cấu kiểu chồng rường. Toàn bộ vi hạ Tiền tế tạo thành phần hiên, có kết cấu giống nhau theo kiểu kẻ truyền, bẩy hiên. Toàn bộ cột ở đây được làm

bằng gỗ lim. Nhìn chung bộ khung chịu lực thiên về độ bền chắc, một số hình chạm nổi trên các cấu kiện gỗ tạo sự mềm mại cho di tích.

Hậu cung quán Đoài Khê gồm hai gian nhà dọc, hai mái chảy lợp ngói ri cổ. Bộ vi bên trong có kết cấu tương tự nhau, theo kiểu chồng rường. Tuy vậy, các kiểu chồng rường giữa các bộ vi cũng có những nét khác nhau. Bộ vi thượng gian ngoài với một câu đầu có lưng, bụng phẳng, ăn mộng vào hai đầu dư chạm rồng, trên lưng câu đầu là hai đầu dư chạm rồng, trên lưng câu đầu là các con rường chồng khít lên nhau, riêng con rường áp câu đầu bị cắt lưng tạo sự thông thoáng cho bộ vi. Con rường trên cùng được chạm nổi hình bông sen rất đẹp mắt, đội thượng lưỡng qua một đấu kê hình thuyền. Câu đầu và các con rường khác được chạm nổi hình rồng và hoa văn mây lá cách điệu. Các con rường ở vi hạ gian ngoài này được chồng lên nhau qua các đấu kê vuông thót đáy. Riêng con rường áp xà bị cắt lưng tạo sự thông thoáng. Một đầu rường đỡ hoành mái hạ được chạm nổi hình hoa lá cách điệu.

Toàn bộ vi thượng, vi hạ của bộ vi gian bên trong là kết cấu ván mề dày, tạo thành một khối ván lầy không gian để trang trí. Trên cùng chạm nổi hình bông sen, đội thượng lưỡng qua đấu kê hình thuyền, tiếp theo chạm mặt hổ phù ngậm chữ thọ, dưới cùng chạm nổi hình lưỡng long cách điệu chầu mặt trời. Ở vi hạ trang trí cách điệu tích tứ quý, cá chép hóa rồng, phượng hàm thư... Đây là một bộ vi tiêu biểu của ngôi quán bởi kết cấu và các mảng chạm nổi sinh động, đẹp mắt. Đặc biệt, bên dưới bộ vi này là một cửa ngăn giữa gian ngoài và gian trong Hậu cung. Bộ cửa này được làm bằng chất liệu gỗ tứ thiết, kỹ thuật chạm thủ công, với hình tượng tứ linh, tứ quý. Đặc biệt hơn, các bức chạm ở đây dù là rồng, lân, hay tứ quý đều có nét chung, với rất nhiều dao mác hình tia lửa giống như trên thân các con rồng thời Lê (Có lẽ tiền nhân đã dụng ý, dụng công khi chạm khắc các hình tượng, dao mác hình tia lửa này để tạo sự liên tưởng tới thần Tích Lịch Hoả Quang đại vương chăng?)

Di tích còn có hai dãy tả - hữu mạc, mỗi dãy gồm 6 gian, hai mái chảy, bên tả lợp ngói ri, bên hữu mới tu sửa gần đây lợp ngói Sông Cầu. Bờ nóc, bờ dài để trơ không trang trí, hai

đầu bờ nóc đắp hai đầu nắm cờm. Các bộ vi được kết cấu tương tự nhau theo kiểu vi kèo quá giang trụ trốn, tiền kề, hậu bẩy.

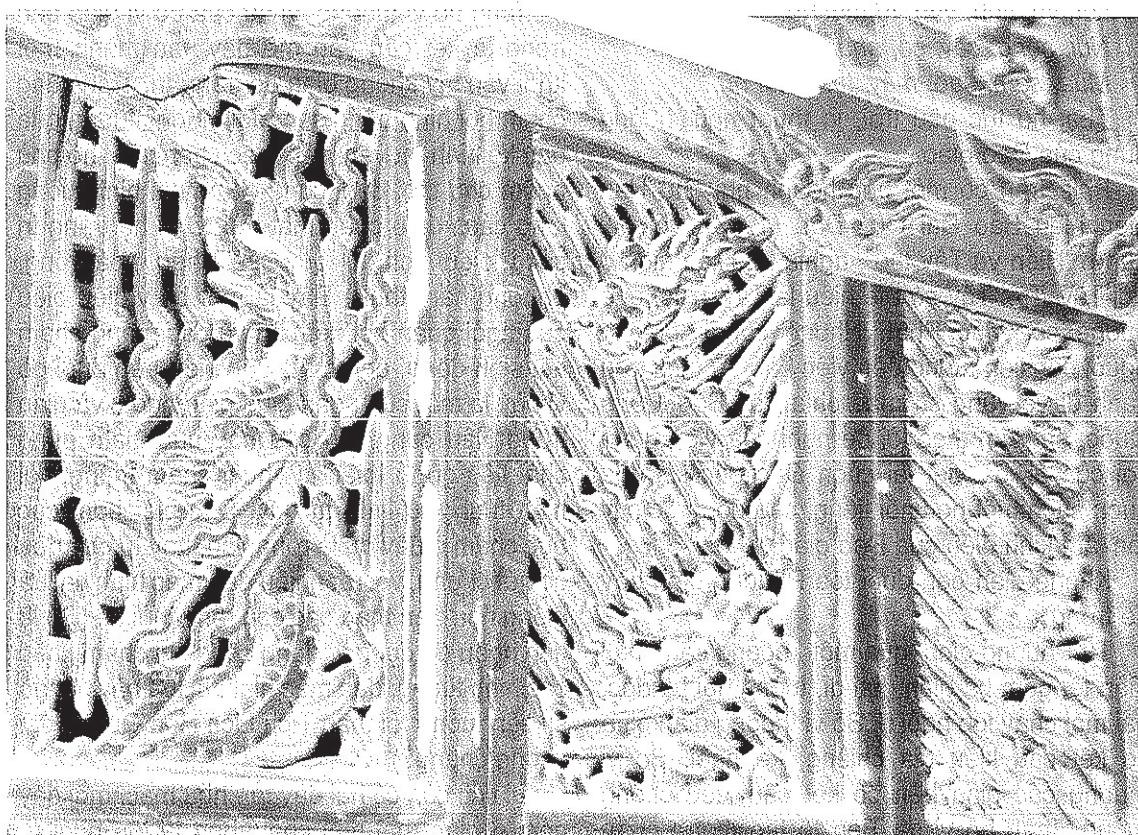
Quán Đoài Khê thờ thần Tích Lịch Hoả Quang, với tư cách là nhiên thần, một vị thần “Chớp”, là vị thần được cư dân nông nghiệp tôn thờ vì thần có nhiều công lao với dân, với nước, được nhiều triều đại trong lịch sử ban tặng sắc phong. Trong tâm linh của người dân Đoài Khê, thần đã âm phù, hiển ứng phù trợ cho cuộc sống của nhân dân nơi đây được bình yên, no ấm, mưa thuận gió hòa. Việc thờ ngài được duy trì nghiêm cẩn qua nhiều thế hệ đã thể hiện tấm lòng thành kính của nhân dân Đoài Khê.

Hàng năm, cứ vào dịp mùa xuân, làng Đoài Khê lại tung bừng tổ chức lễ hội để tưởng nhớ công lao của vị Thành hoàng đã che chở cho nhân dân bao đời nay được yên ấm, mùa màng tươi tốt, bội thu. Lễ hội làng Đoài diễn ra cùng ngày với lễ hội làng Đông Khê (13/3 Âm lịch) vì cùng thờ chung một vị thần là Tích Lịch Hoả Quang. Vào dịp này, nhân dân toàn xã và các xã lân cận tụ hội tại di tích, thành kính dâng hương tế lễ, rước kiệu với những nghi lễ trang

trọng. Bên cạnh đó còn có nhiều trò diễn dân gian bổ ích, lành mạnh, gắn kết tinh làng, nghĩa xóm. Đây là một trong những lễ hội lớn, tiêu biểu của huyện Đan Phượng.

Mặc dù trải qua nhiều biến thiên của lịch sử, song hiện nay, quán Đoài Khê vẫn bảo tồn được những nét đặc sắc trong kết cấu kiến trúc và lễ hội, cùng các di vật quý như: hương án gỗ, long ngai, bài vị, bộ cửa chạm thủng thời Lê, sắc phong, hoành phi, câu đối... Các di vật đều mang những giá trị nhất định giúp chúng ta có thêm tư liệu để tìm hiểu về kiến trúc, điêu khắc truyền thống. Không chỉ vậy, quán Đoài Khê còn là nơi tích hợp dấu ấn của nhiều tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, thể hiện đặc tính hồn dung tôn giáo của người Việt. Khi đặt quán Đoài Khê trong tương quan các quán thờ Đạo giáo khác, có thể giúp chúng ta tìm hiểu về sự ảnh hưởng và phát triển của Đạo giáo trong khu vực. Quán Đoài Khê nói riêng và hệ thống di tích xã Đan Phượng nói chung cần được tìm hiểu sâu hơn và có các biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị./.

N.T.D



Nghệ thuật chạm khắc trên của Hậu cung, quán Đoài Khê -  
Ảnh: Tác giả